

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Quốc Hưng

Ông Nguyễn Văn Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 9 và ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CLD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Đức H**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng;

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn Ng; địa chỉ: khóm M, phường S, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Thân Chu S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Đức H trình bày:

Về hôn nhân: Vào 2004, anh và chị Nguyễn Thị N có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã B, huyện CLD vào ngày 14/12/2014. Thời gian đầu anh và chị N chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và kể từ tháng 7/2018 thì anh và chị N sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị N có 01 người con chung tên: Phạm Gia K, sinh ngày 14/02/2006. Hiện cháu K đang sống chung với chị N.

Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận xong.

Về nợ chung: Không có.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Phạm Gia K, sinh ngày 14/02/2006 cho chị N được nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi cháu K thì anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Vì hiện nay ngoài thu nhập chính từ tiền lương (mỗi tháng) 8.498.507 đồng ra thì anh không còn có thu nhập nào khác. Hơn nữa hiện nay anh đang phải điều trị bệnh tại Bệnh viện Chợ rẫy Thành Phố Hồ Chí Minh với chi phí phải điều trị (ngoài danh mục bảo hiểm) khoảng gần 150.000.000 đồng và còn tiếp tục tái khám theo chỉ định của Bác sĩ.

Về tài sản chung: Sau khi Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa vào ngày 24/9/2019, anh và chị N đã tự thỏa thuận phân chia xong nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/9/2018, đơn yêu cầu phản tố ngày 21/02/2019 và ngày 17/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, chị thống nhất với lời trình bày của anh Phạm Đức H. Trước khi chị và anh H sống ly thân với nhau thì anh H đã có người phụ nữ khác bên ngoài, khi đi nhậu về anh H có nhiều lần đánh chị và con; kể từ tháng 6/2018 thì chị và anh H sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, chị cũng không còn tình cảm đối với anh H nhưng chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H, vì việc anh H xin ly hôn với chị là do anh H đơn phương nộp đơn yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung tên: Phạm Gia K, sinh ngày 14/02/2006, hiện cháu K đang

sống chung với chị và được chị chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Sau khi Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa vào ngày 24/9/2019, chị và anh H đã tự thỏa thuận phân chia xong, nên chị rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung mà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian mà chị và anh H sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay, chị phải một mình nuôi dưỡng chăm sóc cháu K, nên chị yêu cầu Tòa án buộc anh H phải hỗ trợ cho chị số tiền 40.000.000 đồng.

chị yêu cầu Tòa án buộc anh H phải hỗ trợ cho chị số tiền 40.000.000 đồng

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị N trình bày: Đối với anh H hiện nay là giáo viên đang công tác tại Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Trần Đề, anh H có mức lương thực lãnh hiện tại là 8.498.507 đồng. Ngoài ra, tại bản thỏa thuận ngày 19/9/2018 về việc hỗ trợ kinh phí cho giáo viên chuyển nơi công tác thì anh H còn được các giáo viên khác hỗ trợ mỗi tháng 4.000.000 đồng, anh H đã nhận hơn một năm, thời gian anh H còn tiếp tục được hỗ trợ gần 02 năm nữa, do đó số tiền được hỗ trợ cũng được xem như thu nhập ổn định, nên chị N yêu cầu anh H mỗi tháng cấp dưỡng cho cháu K từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CLD phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần cấp dưỡng nuôi con đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chu Thân S có đơn xin xét xử vắng mặt sau khi ngừng phiên tòa, việc ông S vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh Phạm Đức H với chị Nguyễn Thị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đương sự hiện không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh H và chị N đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh H được ly hôn với chị N.

Về con chung: Đối với cháu Phạm Gia K, sinh ngày 14/02/2006, từ khi anh H và chị N sống ly thân đến nay thì chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên theo nguyện vọng của cháu K. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh H, không ai

được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Đối với mức lương thực lãnh của anh H hiện nay là không cao. Đồng thời, hiện nay anh H đang điều trị bệnh tại Bệnh viện Chợ rẫy Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cần ghi nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng cũng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế của anh H và cũng là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc người đại diện theo ủy quyền cho chị N yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi, cũng như việc chị N yêu cầu anh H hỗ trợ cho chị N số tiền 40.000.000 đồng trong khoảng thời gian chị và anh H sống ly thân mà chị phải một mình chăm sóc nuôi dưỡng cháu K là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận các yêu cầu này của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Về tài sản chung: Anh H và chị N đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp V, xã N, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để các đương sự tự thỏa thuận về tài sản, tại phiên tòa bị đơn rút lại phần yêu cầu chia tài sản là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, sau khi Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa, bị đơn có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Ng tham gia trình bày và yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con và ông Ng có mặt tại phiên tòa; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chu Thân S có đơn xin xét xử vắng mặt sau khi Hội đồng xét xử mở lại phiên tòa, xét thấy việc anh S vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của anh Phạm Đức H đối với chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của anh H và chị N không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện CLD, tỉnh Sóc

Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh H với chị N phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với chị N. Mặt khác, giữa anh H với chị N đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay; tại phiên tòa chị N cho rằng: Hiện nay chị cũng không còn tình cảm đối với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị N.

[5] Về con chung: Đối với cháu Phạm Gia K, sinh ngày 14/02/2006, từ khi anh H và chị N sống ly thân cho đến nay, chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và tại phiên tòa anh H cũng đồng ý giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu K cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với nguyện vọng của cháu K và phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh H, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Đối với thu nhập chính của anh H hiện nay là từ lương giáo viên, số tiền thực lãnh mỗi tháng là 8.498.507 đồng. Tuy nhiên, theo như lời trình bày cũng như Giấy ra viện và Giấy hẹn khám lại của Bác sĩ tại Bệnh viện Chợ rẫy thành phố Hồ Chí Minh có thể hiện: Anh H đang điều trị bệnh đối với “bệnh phình động mạch não, không vỡ - dò động mạch cảnh xoang hang trái + phình bóc tách động mạch cảnh trong trái đoạn ngoài sọ đã can thiệp”. Do đó, xét về điều kiện kinh tế cũng như hoàn cảnh hiện nay của anh H cũng có những khó khăn nhất định về mặt kinh tế. Đối với số tiền 4.000.000 đồng được các giáo viên khác hỗ trợ cho anh H mà phía người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đặt ra, số tiền trên Hội đồng xét xử thấy rằng không phải là thu nhập ổn định và chỉ được hỗ trợ trong khoản thời gian ngắn. Tại phiên tòa, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 2.000.000 đồng cũng là phù hợp với hoàn cảnh hiện nay của anh H và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị anh H cấp dưỡng mỗi tháng cho cháu K từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi là không có cơ sở.

[7] Đối với yêu cầu của chị N về việc yêu cầu anh H phải hỗ trợ cho chị số tiền 40.000.000 đồng trong khoảng thời gian chị và anh H sống ly thân mà chị phải nuôi dưỡng cháu K, tại phiên tòa anh H không đồng ý và Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của chị N là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận xong với nhau, tại phiên tòa bị đơn đã tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản của bị đơn.

[9] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Anh Phạm Đức H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ

thăm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Phạm Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Phạm Gia K, sinh ngày 14/02/2006 đến khi thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh H, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Đức H hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Gia K, sinh ngày 14/02/2006 là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/10/2019). Tiền cấp dưỡng nuôi cháu K do chị Nguyễn Thị N nhận. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bị đơn đối với nguyên đơn.

4. Về nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Anh Phạm Đức H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000554, ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CLD. Như vậy, anh H còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền 750.000 đồng đối với phần yêu cầu chia tài sản theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000671 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CLD.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử

lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã B, H.CLD;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua